

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 33



CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Hòa Bình (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Nhóm công ty") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Công ty

Công ty cổ phần Hòa Bình là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000311 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 02 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 09 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, với vốn điều lệ là 100 tỷ đồng.

Cho đến ngày kết thúc năm tài chính này, các cổ đông góp 80.815.920.000 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 5 công ty con:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Tỷ lệ vốn nắm giữ</u>
Công ty Cổ phần Công nghiệp Kim Bình	Sản xuất, lắp ráp, mua bán, sửa chữa, bảo trì các loại động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ.	52,8%
Công ty TNHH MTV Long Bình	Mua bán và sửa chữa các loại động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ,	100%
Công ty TNHH MTV Tâm Bình	các loại máy nông ngư cơ và phụ tùng.	100%
Công ty TNHH MTV Gia Bình		100%
Công ty TNHH MTV Hồng Hải Bình		100%

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Quang Cảnh	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Hòe	Thành viên
Ông Phan Kế Minh	Thành viên
Ông Đoàn Tuấn Việt	Thành viên
Ông Jonathan Raymond Carr	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Quang Cảnh	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại 346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. Hoạt động chính

Nhóm công ty thông qua Công ty mẹ và các công ty con có các hoạt động chính là kinh doanh các loại động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, các loại máy nông ngư cơ và phụ tùng máy các loại; lắp ráp, sửa chữa bảo trì các loại máy và động cơ nêu trên.

Thời gian hoạt động của Công ty là năm mươi (50) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (ngày 27 tháng 02 năm 2001).

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Nhóm công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Nhóm công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Nhóm công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Nhóm công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

0317-
TY
HÂN
BÌNH
P. HỒ C

395
TY
HỮU
AM
50

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Nhóm công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

9. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Ông LÊ QUANG CẢNH

Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2012



Số: 00101.HCM/69.11

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của
CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Hòa Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Hòa Bình ("Công ty") và các công ty con (Công ty và các công ty con gọi chung là "Nhóm công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 10 tháng 02 năm 2012 trình bày từ trang 5 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc về trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Nhóm công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Nhóm công ty, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.




BÙI TUYẾT VÂN

Phó Tổng Giám Đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0071/KTV

CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2012



NGUYỄN THỦY HOA

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0423/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		322.081.363.493	201.493.024.778
Tiền và tương đương tiền	110	4.1	11.203.164.353	56.603.292.134
Tiền	111		10.666.164.353	16.603.292.134
Các khoản tương đương tiền	112		537.000.000	40.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.705.855.585	42.613.159.492
Phải thu khách hàng	131	4.2	24.698.349.710	32.838.817.728
Trả trước cho người bán	132	4.3	16.365.402.194	9.306.935.467
Các khoản phải thu khác	135	4.4	654.633.981	467.406.297
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	4.5	(12.530.300)	-
Hàng tồn kho	140	4.6	246.273.361.262	93.052.509.037
Hàng tồn kho	141		246.832.241.621	94.250.126.569
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(558.880.359)	(1.197.617.532)
Tài sản ngắn hạn khác	150		22.898.982.293	9.224.064.115
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	2.180.847.176	834.518.235
Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.093.484.081	6.116.294.009
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	4.8	4.423.572.302	1.028.927.792
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.9	1.201.078.734	1.244.324.079
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		97.203.305.793	84.028.239.081
Tài sản cố định	220		94.854.933.760	81.689.000.566
Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	46.287.026.842	36.633.568.300
Nguyên giá	222		56.556.132.243	43.389.641.495
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.269.105.401)	(6.756.073.195)
Tài sản cố định vô hình	227	4.11	41.861.114.905	41.761.857.145
Nguyên giá	228		43.607.638.362	42.817.525.202
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.746.523.457)	(1.055.668.057)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.12	6.706.792.013	3.293.575.121
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		20.600.000	20.600.000
Đầu tư dài hạn khác	258	4.13	20.600.000	20.600.000
Tài sản dài hạn khác	260		2.327.772.033	2.318.638.515
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.14	896.578.363	566.906.255
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.15	1.420.193.670	1.751.732.260
Tài sản dài hạn khác	268	4.16	11.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		419.284.669.286	285.521.263.859

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		217.114.156.894	124.796.042.230
Nợ ngắn hạn	310		176.719.268.773	82.983.870.589
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.17	137.548.487.791	45.999.311.308
Phải trả người bán	312	4.18	10.164.684.920	14.731.714.660
Người mua trả tiền trước	313		5.293.334.154	10.291.768.371
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.19	13.951.186.126	5.721.512.502
Phải trả người lao động	315		1.070.316.872	1.239.041.740
Chi phí phải trả	316	4.20	5.643.083.461	3.397.278.693
Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.21	3.002.258.143	883.736.868
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.22	45.917.306	719.506.447
Nợ dài hạn	330		40.394.888.121	41.812.171.641
Vay và nợ dài hạn	334	4.23	39.795.666.436	41.537.002.557
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	4.24	599.221.685	275.169.084
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		169.876.816.889	137.602.062.532
Vốn chủ sở hữu	410	4.25	169.876.816.889	137.602.062.532
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.815.920.000	70.714.230.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		588.995.000	588.995.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		40.729.362	40.729.362
Quỹ dự phòng tài chính	418		717.905.341	717.905.341
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.174.814.888	2.174.814.888
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		85.538.452.298	63.365.387.941
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	4.26	32.293.695.503	23.123.159.097
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		419.284.669.286	285.521.263.859

0037

G TY
PHẦN
BÌNH

TP. HỒ CHÍ MINH

448

NG

HIỆM

3DC

T N

P. H

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1. Ngoại tệ các loại			
USD		12.721,01	11.470,04
EUR		0,49	0,49
JPY		28.421,00	29.873,00



LÊ QUANG CẢNH
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2012

PHẠM VIẾT ĐẠT
Kế toán trưởng



198
TY
+UU
)
[A]
/6

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	837.460.559.609	698.735.559.382
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	8.156.820.884	8.189.691.356
Doanh thu thuần	10	5.3	829.303.738.725	690.545.868.026
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	5.4	684.372.527.890	559.255.925.774
Lợi nhuận gộp	20		144.931.210.835	131.289.942.252
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.5	6.136.078.993	1.251.752.637
Chi phí tài chính	22	5.6	25.555.032.951	13.429.561.229
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>21.406.267.889</i>	<i>12.079.051.227</i>
Chi phí bán hàng	24	5.7	21.529.240.575	17.517.886.966
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.8	42.429.710.595	27.149.952.918
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		61.553.305.707	74.444.293.776
Thu nhập khác	31	5.9	2.591.815.248	1.720.045.897
Chi phí khác	32	5.10	519.709.251	940.110.702
Lợi nhuận khác	40		2.072.105.997	779.935.195
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		63.625.411.704	75.224.228.971
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.11	5.907.751.116	16.925.472.341
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.12	331.538.590	(1.420.035.272)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		57.386.121.998	59.718.791.902
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		11.920.232.550	7.295.972.421
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		45.465.889.448	52.422.819.481
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.13	6.134	7.413



LÊ QUANG CẢNH
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2012

PHẠM VIỆT ĐẠT
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	63.625.411.704	75.224.228.971
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.509.209.256	3.491.723.401
Hoàn nhập dự phòng	03	(457.356.873)	921.902.558
Các khoản dự phòng			
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(35.119.230)	230.187.830
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện			
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.677.520.013)	(1.356.843.957)
Chi phí lãi vay	06	21.406.267.889	12.079.051.227
Lợi nhuận KD trước thay đổi vốn lưu động	08	86.370.892.733	90.590.250.030
Tăng các khoản phải thu	09	(10.286.788.584)	(8.604.903.819)
(Tăng) / giảm hàng tồn kho	10	(153.182.027.588)	15.087.555.873
Giảm các khoản phải trả	11	(5.248.508.765)	2.465.774.360
Tăng chi phí trả trước	12	(1.676.001.049)	(828.296.065)
Tiền lãi vay đã trả	13	(19.065.004.000)	(10.377.176.227)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.354.829.078)	(14.812.610.588)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.115.394.699)	(892.711.498)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(105.557.661.030)	72.627.882.066
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và TSDH khác	21	(17.179.723.887)	(20.416.694.181)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ, TSDH khác	22	-	338.974.519
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.782.013.986	(3.410.492.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14.397.709.901)	(23.488.211.962)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	556.498.150.137	357.229.437.443
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(466.432.881.310)	(360.984.445.930)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.510.025.677)	(2.617.300.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	74.555.243.150	(6.372.308.937)
	50	(45.400.127.781)	42.767.361.167
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	56.603.292.134	13.835.930.967
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	11.203.164.353	56.603.292.134



LÊ QUANG CẢNH
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2012

PHẠM VIẾT ĐẠT
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Hòa Bình (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000311 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 02 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 09 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 5 công ty con:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Tỷ lệ vốn năm giữ</u>
Công ty Cổ phần Công nghiệp Kim Bình	Sản xuất, lắp ráp, mua bán, sửa chữa, bảo trì các loại động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ.	52,8%
Công ty TNHH MTV Long Bình	Mua bán và sửa chữa các loại động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ,	100%
Công ty TNHH MTV Tâm Bình	các loại máy nông ngư cơ và phụ tùng.	100%
Công ty TNHH MTV Gia Bình		100%
Công ty TNHH MTV Hồng Hải Bình		100%

Nhóm công ty thông qua Công ty mẹ và các công ty con có các hoạt động chính là kinh doanh các loại động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, các loại máy nông ngư cơ và phụ tùng máy các loại; lắp ráp, sửa chữa bảo trì các loại máy và động cơ nêu trên.

Thời gian hoạt động của Công ty là năm mươi (50) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (ngày 27 tháng 02 năm 2001).

Công ty có trụ sở chính đặt tại 346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng số nhân viên của Công ty và của Nhóm công ty lần lượt là 95 và 298 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số nhân viên lần lượt là 72 và 226 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

2.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) và được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các nguyên tắc kế toán và luật định của Việt Nam có thể có một số khác biệt ở một số phương diện trọng yếu so với các Chuẩn mực kế toán Quốc tế cũng như các Nguyên tắc kế toán được thừa nhận rộng rãi ở quốc gia của người đọc báo cáo. Do đó, Báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các khu vực nằm ngoài phạm vi Việt Nam.

Năm tài chính của Nhóm công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đòi hỏi Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng: nhật ký chung

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con ("Nhóm công ty") vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Công ty con

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba (03) tháng, có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó, tại thời điểm báo cáo.

3.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài Đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế vào thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc đồng tiền khác với Đồng Việt Nam vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (21.030 VND/USD) tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh và đánh giá lại được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

3.4 Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác trừ đi khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và sản phẩm dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho mỗi đơn vị sản phẩm theo sản lượng thành phẩm sản xuất trong kỳ.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
Máy móc thiết bị	10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
TSCĐ khác	3 - 10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá TSCĐ vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	33 năm, vô thời hạn
Phần mềm máy vi tính	3 năm

3.8 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.9 Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư trái phiếu, cổ phiếu hoặc đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết),... và thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên một năm.

3.10 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước được xác định theo giá trị ban đầu trừ (-) đi giá trị đã phân bổ lũy kế.

Việc phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí, trong đó:

Công cụ dụng cụ	2 - 3 năm
Thuê cửa hàng, văn phòng	2 năm
Chi phí sửa chữa	3 năm
Khác	3 năm

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

3.12 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị ước tính các khoản chi phí đã phát sinh và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.13 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

3.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là khoản tiền hoặc tài sản do các cổ đông góp cổ phần tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối thể hiện kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

3.15 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

11/11/2011

C.T. TNHH
H. BÌNH
H. MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

3.16 Chi phí tài chính

Bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

3.17 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Các mặt hàng do Nhóm công ty sản xuất, kinh doanh chịu thuế suất 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Ưu đãi thuế TNDN

Theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 11 tháng 11 năm 2011, Nhóm công ty thỏa điều kiện là doanh nghiệp nhỏ và vừa nên được giảm 30% (ba mươi phần trăm) số thuế TNDN phải nộp của năm 2011.

Đối với dự án "Nhà máy sản xuất, lắp ráp máy phát điện, máy nông nghiệp các loại", Công ty cổ phần Công nghiệp Kim Bình được áp dụng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động (ngày 15 tháng 12 năm 2008). Ngoài ra, dự án còn được miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập (năm 2009) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo.

Đối với các hoạt động còn lại, Nhóm công ty áp dụng mức thuế suất 25% (hai mươi lăm phần trăm).

Chi phí thuế TNDN

Chi phí thuế TNDN bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế giai đoạn hiện hành và thuế suất thuế TNDN hiện hành; và các điều chỉnh thuế TNDN của các giai đoạn trước vào thuế thu nhập giai đoạn hiện hành. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính, cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế TNDN sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

3.18 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Nhóm công ty và người lao động đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động với các tỷ lệ như sau:

	<i>Bảo hiểm xã hội</i>	<i>Bảo hiểm y tế</i>	<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	<i>Cộng</i>
Công ty	16,0%	3,0%	1,0%	20,0%
Người lao động	6,0%	1,5%	1,0%	8,5%
Cộng	22,0%	4,5%	2,0%	28,5%

3.19 Chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
<i>Tiền</i>		
Tiền mặt - VND	287.962.752	264.825.692
Tiền gửi ngân hàng	(i) 10.378.201.601	16.338.466.442
	10.666.164.353	16.603.292.134
<i>Các khoản tương đương tiền</i>		
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng - VND	537.000.000	40.000.000.000
	537.000.000	40.000.000.000

Toàn bộ tài khoản và quyền, quyền sở hữu và lợi ích của Công ty trong tài khoản ngân hàng và mọi số dư trong đó được cầm cố đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu chuyển đổi (xem chi tiết ở thuyết minh 4.23 (iii))

(i) Số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

	<i>Ngoại tệ</i>	<i>VND</i>
VND		10.103.576.714
USD	12.721,01 #	266.914.259
EUR	0,49 #	13.369
JPY	28.421,00 #	7.697.259
		10.378.201.601

4.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Bên thứ ba	24.698.349.710	32.838.817.728
	24.698.349.710	32.838.817.728

Toàn bộ nợ phải thu của Công ty được cầm cố đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu chuyển đổi (xem chi tiết ở thuyết minh 4.23 (iii)), và đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH HSBC Việt Nam (xem chi tiết ở thuyết minh 4.17).

4.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Bên thứ ba		
Ứng trước tiền mua hàng hóa	14.113.821.919	6.520.346.272
Ứng trước tiền mua phần mềm	1.504.784.291	1.840.138.500
Khác	746.795.984	946.450.695
	16.365.402.194	9.306.935.467

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Bảo hiểm xã hội	81.339.392	51.389.711
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	553.200.000	385.805.558
Phải thu khác	20.094.589	30.211.028
	654.633.981	467.406.297

4.5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Số dư đầu kỳ	-	-
Dự phòng trong kỳ	181.380.300	-
Xử lý công nợ	(168.850.000)	-
Số dư cuối kỳ	12.530.300	-

4.6 Hàng tồn kho

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Hàng mua đang đi đường	10.112.563.540	-
Nguyên liệu, vật liệu	33.902.134.671	19.334.061.421
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	803.765.235
Thành phẩm	79.356.962.136	7.956.128.520
Hàng hóa	123.460.581.274	66.156.171.393
Cộng giá gốc hàng tồn kho	246.832.241.621	94.250.126.569
<i>Trừ:-</i>		
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(i) (558.880.359)	(1.197.617.532)
Hàng tồn kho	246.273.361.262	93.052.509.037

(i) *Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Số dư đầu kỳ	1.197.617.532	275.714.974
Dự phòng trong kỳ	60.829.169	921.902.558
Hoàn nhập dự phòng	(699.566.342)	-
Số dư cuối kỳ	558.880.359	1.197.617.532

Toàn bộ hàng hóa đang lưu thông của Công ty được cầm cố đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu chuyển đổi (xem chi tiết ở thuyết minh 4.23 (iii)), và đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH HSBC Việt Nam (xem chi tiết ở thuyết minh 4.17).

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.7 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Chi phí bảo hiểm	55.440.000	-
Công cụ dụng cụ	140.950.299	391.657.455
Chi phí sửa chữa	1.136.317.889	-
Chi phí thuê kệ	159.600.000	-
Thuê văn phòng	72.000.000	85.902.000
Chi phí thuê server và đường truyền	164.400.000	171.776.924
Thiết bị văn phòng	340.146.815	86.680.535
Chi phí khác	111.992.173	98.501.321
	2.180.847.176	834.518.235

4.8 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	3.247.602.301	986.518.936
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.175.402.696	26.608.208
Thuế xuất nhập khẩu	567.305	15.800.648
	4.423.572.302	1.028.927.792

4.9 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Tài sản thiếu chờ xử lý	41.136.309	621.049.465
Tạm ứng	435.492.425	623.274.614
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	724.450.000	-
	1.201.078.734	1.244.324.079

(i) Đây là khoản đặc cọc thuê kho của Công ty TNHH Xe và Máy FMC.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH
 346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.10 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	TSCĐ khác (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2011	29.649.543.343	2.800.565.657	9.210.636.649	1.541.038.856	187.856.990	43.389.641.495
Mua trong kỳ	3.586.506.565	2.547.120.363	2.176.391.362	684.502.236	923.291.691	9.917.812.217
Đầu tư XDCB	114.081.618	2.944.500.000	-	-	-	3.058.581.618
Tăng từ hàng hóa trong kho	-	599.912.536	-	-	-	599.912.536
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(223.460.610)	(128.635.750)	(57.719.263)	(409.815.623)
31/12/2011	33.350.131.526	8.892.098.556	11.163.567.401	2.096.905.342	1.053.429.418	56.556.132.243
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2011	2.551.678.000	621.697.500	2.720.903.467	722.763.803	139.030.425	6.756.073.195
Chi phí khấu hao	1.599.821.837	511.210.414	1.260.257.976	390.990.629	56.073.000	3.818.353.856
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(128.086.000)	(128.635.750)	(48.599.900)	(305.321.650)
31/12/2011	4.151.499.837	1.132.907.914	3.853.075.443	985.118.682	146.503.525	10.269.105.401
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2011	27.097.865.343	2.178.868.157	6.489.733.182	818.275.053	48.826.565	36.633.568.300
31/12/2011	29.198.631.689	7.759.190.642	7.310.491.958	1.111.786.660	906.925.893	46.287.026.842

Trong đó:

Giá trị còn lại của tài sản thế chấp, cầm cố	28.296.879.632	7.237.151.037	2.955.940.541	631.300.005	40.053.363	39.161.324.578
Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết vẫn đang sử dụng	-	-	-	311.666.689	83.865.000	395.531.689

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.11 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (VND)	Phần mềm máy tính (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2011	42.155.468.395	662.056.807	42.817.525.202
Mua trong kỳ	400.000.000	390.113.160	790.113.160
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
31/12/2011	42.555.468.395	1.052.169.967	43.607.638.362
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2011	897.135.937	158.532.120	1.055.668.057
Khấu hao trong kỳ	485.615.400	205.240.000	690.855.400
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
31/12/2011	1.382.751.337	363.772.120	1.746.523.457
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2011	41.258.332.458	503.524.687	41.761.857.145
31/12/2011	41.172.717.058	688.397.847	41.861.114.905
<i>Trong đó:</i>			
GTCL của TS thế chấp, cầm cố	40.772.717.058	503.524.687	41.276.241.745

4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Lắp đặt máy móc thiết bị	780.153.818	3.133.661.480
Phòng trưng bày tại Đà Nẵng	4.082.013.975	35.009.091
Kho và đất tại Hà Nội	-	124.904.550
Phần mềm quản lý	1.812.942.403	-
Văn phòng	31.681.817	-
	6.706.792.013	3.293.575.121

4.13 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Cổ phiếu	20.600.000	20.600.000
	20.600.000	20.600.000

4.14 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Công cụ dụng cụ	618.255.186	77.489.045
Thuê cửa hàng, văn phòng	57.000.000	285.000.000
Chi phí sửa chữa	165.911.473	204.417.210
Thiết bị, vật liệu văn phòng	55.411.704	-
	896.578.363	566.906.255

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.15 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	170.416.668	(138.721.761)
Chi phí trích trước	68.251.319	446.343.750
Lợi nhuận chưa thực hiện của hàng tồn kho	1.181.525.683	1.444.110.271
	<u>1.420.193.670</u>	<u>1.751.732.260</u>

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>		
Số dư đầu kỳ	1.751.732.260	331.696.989
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	1.420.035.271
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(331.538.590)	-
Số dư cuối kỳ	<u>1.420.193.670</u>	<u>1.751.732.260</u>

4.16 Tài sản dài hạn khác

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Ký quỹ, ký cược	11.000.000	-
	<u>11.000.000</u>	<u>-</u>

C. P. H.

004
C. P. H.
E
T. T

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011



4.17 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TNHH HSBC Việt Nam (i)	126.621.788.938	37.776.450.025
Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam (ii)	4.042.365.289	2.275.061.283
Ngân hàng TMCP Á Châu (iii)	1.900.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng TMCP Nam Việt	-	5.947.800.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn (iv)	684.333.564	-
Ngân hàng TMCP Á Châu (v)	4.300.000.000	-
	<u>137.548.487.791</u>	<u>45.999.311.308</u>

- (i) Đây là khoản vay có hạn mức 8.500.000 USD cho Công ty và 7.000.000 USD cho Công ty cổ phần công nghiệp Kim Bình. Lãi suất được xác định bằng lãi suất cho vay cơ bản VND (hoặc USD) của thời hạn tương ứng cộng với 2,5%/năm, được sử dụng vào việc nhập khẩu nguyên vật liệu. Khoản vay này được đảm bảo bởi các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định vô hình và tài sản gắn liền với đất của Công ty tại phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.
- (ii) Đây là khoản vay ngắn hạn có hạn mức 1.500.000 USD trong thời hạn 120 ngày cho từng lần giải ngân, với lãi suất từ 17%/năm đến 21,75% nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty cổ phần công nghiệp Kim Bình ("KBI"). Khoản vay này được bảo lãnh bởi Công ty, Tổng Giám đốc của KBI và các công ty con khác như Công ty TNHH MTV Tâm Bình, Công ty TNHH MTV Hồng Hải Bình, Công ty TNHH MTV Gia Bình.
- (iii) Đây là khoản vay có hạn mức 18 tỷ VNĐ và 500.000,00 USD với thời hạn vay tối đa là 6 tháng cho từng lần giải ngân để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay là 20%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tọa lạc tại thửa đất số 323 phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Công nghiệp Kim Bình.
- (iv) Xem chi tiết ở thuyết minh số 4.23 (i)
- (v) Xem chi tiết ở thuyết minh số 4.23 (ii)

4.18 Phải trả người bán

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Bên thứ ba		
Phải trả tiền mua hàng hóa	10.164.684.920	7.731.714.660
Phải trả tiền sử dụng đất	-	7.000.000.000
	<u>10.164.684.920</u>	<u>14.731.714.660</u>

48
IG
TIEM
DO
TN
PH

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.19 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	1.007.780.900	-
Thuế xuất nhập khẩu	514.868.736	2.214.287
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.476.582.233	4.832.619.499
Thuế thu nhập cá nhân	1.951.954.257	886.678.716
	13.951.186.126	5.721.512.502

4.20 Chi phí phải trả

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Chi phí lãi tiền vay	254.888.889	-
Chi phí đào tạo	60.000.000	-
Tiền thưởng	2.727.295.705	1.564.803.293
Điện, nước, điện thoại	44.000.000	-
Lãi trái phiếu	2.086.375.000	1.701.875.000
Tiền lãi ký quỹ	241.666.670	-
Khác	228.857.197	130.600.400
	5.643.083.461	3.397.278.693

4.21 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Kinh phí công đoàn	175.189.620	259.095.163
Bảo hiểm xã hội	54.909.150	26.935.895
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.000.000.000	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	68.400.000	-
Công ty TNHH Minh Thành	92.983.612	218.982.386
Các khoản phải trả, phải nộp khác	610.775.761	378.723.424
	3.002.258.143	883.736.868

4.22 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Quỹ khen thưởng (VND)	Quỹ phúc lợi (VND)	Cộng (VND)
01/01/2011	513.580.536	205.925.911	719.506.447
Chi khen thưởng	(513.580.536)	-	(513.580.536)
Chi phúc lợi	-	(160.008.605)	(160.008.605)
31/12/2011	-	45.917.306	45.917.306

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.23 Vay và nợ dài hạn

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	(VND)	(VND)
Ngân hàng TMCP Nam Việt	-	11.537.002.557
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn (i)	1.195.666.436	-
Ngân hàng TMCP Á Châu (ii)	8.600.000.000	-
Trái phiếu phát hành (iii)	30.000.000.000	30.000.000.000
	<u>39.795.666.436</u>	<u>41.537.002.557</u>

- (i) Đây là khoản vay có hạn mức vay là 6,2 tỷ đồng với thời hạn 3 năm và lãi suất 19%/năm, được sử dụng cho việc cải tạo nhà xưởng và mua sắm máy móc thiết bị. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Đây là khoản vay với mục đích thực hiện dự án đầu tư Nhà máy lắp ráp máy phát điện và máy nông nghiệp. Lãi suất vay theo công bố từng quý của ngân hàng. Hạn mức vay là 33 tỷ VND trong thời hạn ba (03) năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tọa lạc tại thửa đất số 323 tờ bản đồ số 9, đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Công Nghiệp Kim Bình.
- (iii) Đây là 300.000 trái phiếu chuyển đổi có thể mua lại với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, được phát hành vào ngày 10 tháng 6 năm 2009 cho Trái chủ là Quỹ SEAF Blue Waters Growth Fund Limited, với thời hạn năm (05) năm. Tiền gốc sẽ được trả lại cho Trái chủ một lần vào cuối kỳ hạn. Lãi suất của trái phiếu được xác định bằng lãi suất bình quân tiền gửi kỳ hạn 12 tháng thanh toán cuối kỳ tại bốn ngân hàng cộng (+) với 2,8%/năm và sẽ thêm 1,2%/năm nếu tỷ giá quy đổi VND:USD bằng hoặc cao hơn 21.000.

Các trái phiếu này được đảm bảo bằng việc cầm cố:

- toàn bộ số cổ phần hiện tại đang nắm giữ hoặc sở hữu trong tương lai của các Cổ đông chính tại Công ty và Công ty Cổ phần Công nghiệp Kim Bình;
- mọi tài sản của Công ty (thứ tự ưu tiên thanh toán sau yêu cầu đòi nợ của HSBC); và
- mọi tài sản sẽ tạo lập bằng vốn thu từ việc phát hành các trái phiếu này.

4.24 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
	(VND)	(VND)
Số dư đầu kỳ	275.169.084	830.056.127
Trích lập quỹ	339.326.056	-
Chi sử dụng quỹ	(15.273.455)	(554.887.043)
Số dư cuối kỳ	<u>599.221.685</u>	<u>275.169.084</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH
 346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.25 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Quỹ dự phòng tài chính (VND)	Quỹ khác thuộc vốn CSH (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
01/01/2010	70.714.230.000	588.995.000	(495.815.344)	40.729.362	717.905.341	2.174.814.888	11.369.021.314	85.109.880.561
Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	52.422.819.481	52.422.819.481
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	-	(426.452.854)	(426.452.854)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	495.815.344	-	-	-	-	495.815.344
01/01/2011	70.714.230.000	588.995.000	-	40.729.362	717.905.341	2.174.814.888	63.365.387.941	137.602.062.532
Góp vốn	10.101.690.000	-	-	-	-	-	(10.101.690.000)	-
Kết quả hoạt động trong kỳ	-	-	-	-	-	-	45.465.889.448	45.465.889.448
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	-	(227.645.914)	(227.645.914)
Cổ tức thực chi	-	-	-	-	-	-	(12.963.489.177)	(12.963.489.177)
31/12/2011	80.815.920.000	588.995.000	-	40.729.362	717.905.341	2.174.814.888	85.538.452.298	169.876.816.889

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
Vốn góp đầu kỳ	71.303.225.000	71.303.225.000
Vốn góp tăng trong kỳ	10.101.690.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	<u>81.404.915.000</u>	<u>71.303.225.000</u>

Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	40.729.362	40.729.362
Quỹ dự phòng tài chính	717.905.341	717.905.341
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.174.814.888	2.174.814.888
	<u>2.933.449.591</u>	<u>2.933.449.591</u>

4.26 Lợi ích của cổ đông thiểu số

<u>Công ty Cổ phần Công nghiệp Kim Bình</u>	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
<i>Vốn góp</i>		
Đầu kỳ	14.147.565.000	14.147.565.000
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	5.658.830.000	-
Cuối kỳ	<u>19.806.395.000</u>	<u>14.147.565.000</u>
Tỷ lệ góp vốn	47,2%	47,2%
<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>		
Đầu kỳ	8.975.594.097	4.409.775.445
Kết quả hoạt động trong kỳ	11.920.232.550	7.295.972.421
Cổ tức thực nhận	(2.546.536.500)	(2.617.300.450)
Cổ tức được chi trả bằng cổ phiếu	(5.658.830.000)	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	(203.159.644)	(112.853.319)
Cuối kỳ	<u>12.487.300.503</u>	<u>8.975.594.097</u>
<u>Tổng lợi ích của cổ đông thiểu số</u>	<u>32.293.695.503</u>	<u>23.123.159.097</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1 Doanh thu

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Doanh thu bán hàng hóa	681.852.207.441	609.804.061.150
Doanh thu bán thành phẩm	154.528.631.620	61.563.299.882
Doanh thu gia công	950.000.000	27.290.732.950
Doanh thu dịch vụ	129.720.548	77.465.400
	837.460.559.609	698.735.559.382

5.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Hàng bán bị trả lại	8.156.820.884	8.189.691.356
	8.156.820.884	8.189.691.356

5.3 Doanh thu thuần

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Doanh thu thuần	829.303.738.725	690.545.868.026

5.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Giá vốn của hàng hóa đã bán	578.281.877.354	496.435.274.361
Giá vốn của thành phẩm đã bán	106.069.590.544	39.501.449.386
Chi phí gia công	659.797.165	22.397.299.469
(Hoàn nhập) / Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(638.737.173)	921.902.558
	684.372.527.890	559.255.925.774

5.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.782.013.986	1.143.676.043
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.095.725.130	88.370.348
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	258.339.877	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	19.706.246
	6.136.078.993	1.251.752.637

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.6 Chi phí tài chính

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Lãi tiền vay	21.406.267.889	12.079.051.227
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.535.974.940	1.120.322.172
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	362.783.585	230.187.830
Lãi tiền đặt cọc phải trả	241.666.670	-
Chi phí tài chính khác	8.339.867	-
	25.555.032.951	13.429.561.229

5.7 Chi phí bán hàng

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Chi phí nhân viên	7.833.846.567	8.253.912.777
Chi phí vật liệu, bao bì	914.291.079	888.270.289
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	639.176.459	446.424.886
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.554.495.037	1.055.085.777
Chi phí bảo hành	1.647.838.745	174.358.367
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	2.917.338.450	1.973.769.447
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.325.789.340	3.138.907.640
Chi phí khác bằng tiền	696.464.898	1.587.157.783
	21.529.240.575	17.517.886.966

5.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	22.387.701.032	14.530.375.273
Chi phí vật liệu quản lý	101.546.234	420.291.768
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.222.374.296	1.054.936.991
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.331.254.319	1.023.674.391
Thuế, phí và lệ phí	507.254.038	257.632.065
Chi phí dự phòng	181.380.300	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.211.456.898	9.146.584.678
Chi phí khác bằng tiền	4.486.743.478	716.457.752
	42.429.710.595	27.149.952.918

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.9 Thu nhập khác

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản	-	338.974.519
Nhận bồi thường hàng mất	127.272.727	-
Bán phế liệu	168.715.192	-
Hoa hồng	1.490.427.048	1.136.622.933
Thưởng	200.000.243	-
Thu khuyến mại	249.000.000	-
Lãi trả chậm	280.493.734	-
Thu nhập khác	75.906.304	244.448.445
	2.591.815.248	1.720.045.897

5.10 Chi phí khác

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý, nhượng bán	104.493.973	125.806.605
Truy thu thuế	-	266.933.935
Giá vốn của hàng mất	298.961.831	-
Chi phí khác	116.253.447	547.370.162
	519.709.251	940.110.702

5.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế giai đoạn hiện hành (i)	6.850.178.108	15.744.354.498
Chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành	(942.426.992)	1.181.117.843
	5.907.751.116	16.925.472.341

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

(i) Chi phí thuế TNDN ước tính trên thu nhập chịu thuế giai đoạn hiện hành

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	63.625.411.704	75.224.228.971
<i>Điều chỉnh chi phí không được trừ</i>		
Chi phí không có chứng từ hợp lý, hợp lệ	132.151.799	460.924.709
Chi phí trích trước chưa thực chi	681.666.670	1.785.375.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	324.052.601	(554.887.043)
Chi phí thuế truy thu theo quyết toán	-	265.507.868
Chi phí không được trừ khác	59.513.062	50.295.421
Cổ tức nhận được, lợi nhuận được chia	-	(2.800.000)
Ưu đãi miễn thuế	(26.561.936.922)	(14.607.946.524)
Cấn trừ lỗ năm trước	-	(540.749.987)
Lỗ hoạt động của công ty thành viên	556.448.687	81.964.970
Lợi nhuận chưa thực hiện		
Năm nay	9.489.897.814	9.191.126.741
Năm trước	(9.191.126.741)	(8.375.622.137)
Lợi nhuận tính thuế TNDN	39.116.078.674	62.977.417.989
Thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN	9.779.019.669	15.744.354.497
Thuế TNDN được giảm	(2.928.841.561)	
Chi phí thuế TNDN	6.850.178.108	15.744.354.497

5.12 Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại

	Năm 2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	331.538.590	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(1.420.035.271)
	331.538.590	(1.420.035.271)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH

346-350 đường số 7, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

		<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(VND)	45.465.889.448	52.422.819.481
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	(VND)	-	-
		<u>45.465.889.448</u>	<u>52.422.819.481</u>
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	(Cổ phiếu)	7.411.836	7.071.423
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(VND/cổ phiếu)	<u>6.134</u>	<u>7.413</u>

6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

6.1 Cam kết bảo lãnh

Cùng với các công ty con như Công ty TNHH MTV Tâm Bình, Công ty TNHH MTV Gia Bình, Công ty TNHH MTV Hồng Hải Bình, Công ty bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Kim Bình (KBI) vay vốn tại Ngân hàng TNHH MTV ANZ với số dư nợ tối đa là 1.500.000 USD.



LÊ QUANG CẢNH
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2012

PHẠM VIẾT ĐẠT
Kế toán trưởng